

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 521/2026/DS-PT
Ngày: 23/3/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ
và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hòa

Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/DS-PT ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và đòi lại tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1419/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 717/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2816/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn:

Ông Vũ Văn H, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1977 (vắng mặt);
Cùng cư trú tại: Số H L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Lệ Q, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ cư trú tại: 1 Đường D, phường H (Khu phố B, phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: G B, phường B (Phường A, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Minh H1 – Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/04/2025 và các bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn – bà Phan Thị Mỹ L trình bày:

Ngày 04/10/2022 ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O có ký Biên bản thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền cho bà Lê Thị Q thay mặt ông H, bà O thực hiện công việc hoàn công xây dựng căn nhà tại địa chỉ số A đường L và xử lý các sai sót để hoàn tất hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đứng tên ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O trong thời hạn cam kết là 04 tháng, với tổng chi phí là 950.000.000 đồng.

Thực hiện thỏa thuận, ông H, bà O đã tạm ứng cho bà Q số tiền 450.000.000 đồng theo lệnh chuyển khoản lập ngày 22/10/2022 (có kèm sao kê).

Tuy nhiên, bà Q không thực hiện công việc theo thỏa thuận, không hoàn thành công việc như cam kết trong vòng 04 tháng, tính đến nay đã hơn 3,5 năm nhưng vẫn không hoàn thành công việc. Ông H, bà O đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại đôn đốc, nhắc nhở bà Q thực hiện công việc theo thỏa thuận, nếu làm không xong thì hoàn trả số tiền đã nhận 450.000.000 đồng nhưng bà Q vẫn không thực hiện công việc theo thỏa thuận và cũng không trả lại số tiền 450.000.000 đồng.

Nay ông H, bà O đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức buộc bà Lê Thị Q có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng O1 toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấm dứt việc thực hiện Biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2022 do giao dịch dân sự bị vô hiệu toàn bộ và buộc cá nhân bà Lê Thị Lê Q phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản đã nhận cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O là số tiền 450.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 11/6/2025, bà Lê Thị Lê Q trình bày:

Sau khi được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, được đọc nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ vụ án kèm theo, bà Q cam kết sẽ có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ trong thời hạn 15 ngày.

Đồng thời bà Lê Thị Lê Q cung cấp cho Tòa án địa chỉ cư trú mới tại số G B, Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh. Và đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ mới mà bà Q cung cấp.

Ngày 12/09/2025, bà Lê Thị Lê Q nộp Đơn phản tố đối với nguyên đơn. Theo đơn phản tố bị đơn trình bày:

- Bà Lê Thị Lê Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H.
- Bà Lê Thị Lê Q trình bày ý kiến tại đơn phản tố nội dung như sau:

Trước đây, ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O đã được cấp Giấy phép xây dựng số 82/GPXD ngày 17/01/2019 đối với căn nhà tại địa chỉ: A L,

phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H và bà O có nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh thiết kế và đã được Ủy ban

2

nhân dân quận T (nay là thành phố T) cấp Giấy phép xây dựng điều chỉnh số 47/GPXDĐC ngày 19/02/2019, điều chỉnh một số nội dung Giấy phép xây dựng số 82/GPXD ngày 17/01/2019.

Ủy ban nhân dân quận T đã cấp giấy xác nhận điều chỉnh nội dung số 3941/UBND-QLĐT ngày 13/9/2019 điều chỉnh nội dung Giấy phép xây dựng số 82/GPXD ngày 17/01/2019.

Sau khi xây dựng xong căn nhà 6 lầu tại địa chỉ: A L, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh, ông H ký kết Biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2022 với bà Lê Thị Lệ Q thực hiện các dịch vụ: hoàn thiện hồ sơ hoàn công nhà đất và ra Giấy chứng nhận mới đứng tên ông Vũ Văn H trong thời gian 04 tháng, với tổng chi phí là 950.000.000 đồng. Theo đó, ông H đã thanh toán cọc cho bà Q số tiền 450.000.000 đồng.

Khi bà Q đang làm hồ sơ hoàn tất thủ tục và yêu cầu ông H cung cấp bản chính Giấy chứng nhận, hồ sơ liên quan để nộp và hoàn tất hồ sơ hoàn công thì ông H nói rằng: bản chính Giấy chứng nhận đang thế chấp tại ngân hàng nên không cung cấp cho bà Q được. Bà Q yêu cầu ông H cung cấp Giấy phép xây dựng để nộp vào thực hiện thủ tục hoàn công theo quy định nhưng ông H chỉ cung cấp được cho bà Q bản photo.

Bà Q tìm hiểu và tiến hành trích lục toàn bộ hồ sơ của nhà đất tại địa chỉ: A L, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện ông H và bà O đã bị thu hồi Giấy phép xây dựng và căn nhà 6 lầu được xây dựng tại địa chỉ trên là xây dựng trái phép nên hoàn toàn không thể tiến hành hoàn công được.

Sau đó ông Vũ Văn H tố cáo bà Lê Thị Lệ Q đến Công an điều tra hình sự nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã không giải quyết thụ lý đơn tố cáo của ông H, vì công an cho rằng ông H tố cáo không có căn cứ.

Ông H biết việc đã bị thu hồi Giấy phép xây dựng nhưng vẫn cố tình ký kết Biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2022 với bà Q để thực hiện dịch vụ hoàn công căn nhà. Trong quá trình thực hiện Biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2022, bà Q hoàn toàn không vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào giữa các bên cam kết. Ông H không cung cấp cho bà Q được bản chính Giấy chứng nhận chủ quyền nhà đất và Giấy phép xây dựng nên bà Q không thể thực hiện hoàn tất thủ tục hoàn công trong thời gian 04 tháng như đã cam kết. Đây là hoàn toàn là lỗi của ông H nên ông H phải chịu mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cọc trước đó cho bà Q khi thực hiện các thủ tục hoàn công nhà. Cho đến nay bà Q đã thực hiện xong các thủ tục như: Bản vẽ hoàn công, nghiệm thu các bản vẽ xây dựng.... nhưng bên ông H2

không giao Giấy chứng nhận bán chính cho bà Q để làm hoàn công. Căn cứ khoản 2.3 Biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2022 thì khi hoàn thành 50% thì bên ông H phải thanh toán số tiền còn lại.

Bị đơn – bà Lê Thị Lệ Q có ý kiến phản tố đối với nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án tuyên hủy thỏa thuận theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2022 và ông Vũ Văn H phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho bà Q là 500.000.000 đồng, việc

3

thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1419/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấm dứt thực hiện Văn bản thỏa thuận lập ngày 04/10/2022 do là giao dịch dân sự vô hiệu. Và buộc bà Lê Thị Lệ Q có trách nhiệm trả lại tài sản cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O là số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Khu vực có thẩm quyền).

2. Trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án: bà Lê Thị Lệ Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2025, bà Q kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử ngày 30/9/2025 nhưng không tổng đạt văn bản thông báo cho bà Q là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến của Luật sư H1: Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bà Q, Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử ngày 30/9/2025 nhưng không tổng đạt văn bản thông báo cho bà Q là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Về nội dung, Ông H không cung cấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng cho bà Q nên bà Q không thể thực hiện hoàn tất thủ tục hoàn công trong thời gian 04 tháng như đã cam kết. Đây là lỗi của ông H nên ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Ý kiến của bị đơn – bà Q: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư H1.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Bà Q đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Q là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4

Về nội dung: Bà Q biết ông H và bà O thi công xây dựng nhà sai phép cần làm thủ tục hoàn công nên ký Biên bản thỏa thuận và Giấy ủy quyền thay mặt ông H và bà O thực hiện thủ tục hoàn công. Thỏa thuận giữa bà Q với ông H và bà O vi phạm điều cấm của luật. Mặt khác, bà Q không thực hiện được thủ tục hoàn công trong thời hạn 04 tháng như đã thỏa thuận. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấm dứt thực hiện Văn bản thỏa thuận lập ngày 04/10/2022 và buộc bà Q hoàn trả cho ông H và bà O 450.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Q đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 tổng đạt Thông báo số 1011/TB-TAKV2 ngày 12/8/2025 thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 14 giờ ngày 21/8/2025 nhưng đến ngày 12/9/2025 bà Q nộp Đơn yêu cầu phản tố. Tòa án nhân dân Khu vực 2 không không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân Khu vực 2 đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm lần thứ nhất vào lúc 8 giờ ngày 09/9/2025, bà Q xin hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân Khu vực 2 đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm lần thứ hai vào lúc 14 giờ ngày 30/9/2025, bà Q ký nhận văn bản tổng đạt. Như vậy, bà Q đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Q là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H và bà O vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ

đến lần thứ hai, nhưng ông H và bà O vắng mặt không lý do chính đáng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

2.1 Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định:

Ngày 04/10/2022 ông Vũ Văn H ký kết Biên bản thỏa thuận và Giấy ủy quyền cho bà Lê Thị Lệ Q thay mặt ông H thực hiện thủ tục hoàn công căn nhà tại địa chỉ số A L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà mới đứng tên ông Vũ Văn H trong thời gian 04 tháng, với tổng chi phí là 950.000.000 đồng. Theo đó, ông H đã thanh toán trước cho bà Q số tiền 450.000.000 đồng (chuyển khoản đi qua NAPAS số giao dịch 922S22A10 QQTC6ST ngày 22/10/2022).

5

Theo ông H trình bày: Do công trình thi xây dựng nhà số A đường L không đúng với Giấy phép xây dựng nên ông H mới nhờ bà Q thực hiện hoàn thiện hồ sơ hoàn công và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

Tại Đơn phản tố đề ngày 12/9/2025, bà Q trình bày: Bà Q tìm hiểu và tiến hành trích lục toàn bộ hồ sơ của nhà đất tại địa chỉ số A L, phường L thì phát hiện ông H và bà O đã bị thu hồi Giấy phép xây dựng và căn nhà 6 tầng tại địa chỉ số A L, phường L được thi công xây dựng không đúng với Giấy phép xây dựng nên không thể tiến hành hoàn công được.

Xét thấy, nhà số A đường L, phường L được thi công xây dựng không đúng với Giấy phép xây dựng, vi phạm quy định trong lĩnh vực xây dựng nên không thể hoàn công được nên thỏa thuận giữa ông H và bà Q vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật.

Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123 và Điều 514 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Biên bản thỏa thuận lập ngày 04/10/2022 giữa bà Lê Thị Lệ Q và ông Vũ Văn H vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật.

Bà Q biết sự việc là ông H thi công xây nhà không đúng so với Giấy phép xây dựng, không thể khắc phục, hoàn chỉnh sai phạm trong lĩnh vực xây dựng để hoàn công nhưng bà Q vẫn nhận tiền và đến nay vẫn không trả cho ông H là bên vi phạm thỏa thuận, lỗi thuộc về bà Q. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lê Thị Lệ Q có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 450.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q, lời trình bày của Luật sư H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù

hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Lệ Q phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0044524 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H, bà Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123 và Điều 513, 514, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018;

6

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lệ Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấm dứt thực hiện Biên bản thỏa thuận lập ngày 04/10/2022.

Buộc bà Lê Thị Lệ Q có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 450.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Lê Thị Lệ Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Lệ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0072791 ngày 21/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Lệ Q phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0044524 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H, bà Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP . Hồ Chí Minh.
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- Tòa án nhân dân Khu vực 2
- Thi hành án dân sự TP . HCM
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2
- Dương sự
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Uông Văn Tuấn